

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày 15/9/2025
“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – TUYỀN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cung Trần Lương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Chí Cường.
2. Ông Vàng Mí Chỏ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy An – Thư ký viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/DSST-QĐ ngày 28 tháng 08 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Mí K, sinh năm 1975; CCCD số: 002xxxxxxxxx, cấp ngày 23/3/2021, nơi cấp: Cục C9 về TTXH; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. (nay là thôn P, xã M, tỉnh Tuyên Quang). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Vũ Mí C, sinh năm 1980; CCCD số: 002xxxxxxxxx, cấp ngày: 17/04/2023, nơi cấp: Cục C9 về TTXH; địa chỉ: thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. (nay là thôn P, xã M, tỉnh Tuyên Quang). Có mặt.

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn:*

- Chị Vũ Thị L, sinh năm 1988; CCCD số: 002xxxxxxxxx, cấp ngày: 16/4/2021, nơi cấp: Cục C9 về TTXH; địa chỉ: thôn C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang. (nay là thôn C, xã M, tỉnh Tuyên Quang). Có mặt.

- Bà Sùng Thị V, sinh năm 1949; địa chỉ: thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. (nay là thôn P, xã M, tỉnh Tuyên Quang). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Vũ Mí C1; sinh năm 1971; CCCD số: 002xxxxxxxxx, cấp ngày 11/8/2021; địa chỉ: thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. (nay là thôn P, xã M, tỉnh Tuyên Quang). Có mặt.

- Anh Vũ Mí P, sinh năm 1989; CCCD số: 002xxxxxxxxx, cấp ngày 02/04/2021, nơi cấp: Cục C9 về TTXH; địa chỉ: thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. (nay là thôn P, xã M, tỉnh Tuyên Quang). Có mặt.

- Bà Giàng Thị M, sinh năm: 1966; CCCD số: 002xxxxxxxxx, cấp ngày: 17/8/2021, nơi cấp: Cục C9 về TTXH; địa chỉ: thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. (nay là thôn P, xã M, tỉnh Tuyên Quang). Có mặt.

- Anh Vũ Mí P1, sinh ngày 05/3/2004; CCCD số: 002xxxxxxxxx, cấp ngày: 16/5/2022, nơi cấp: Cục C9 về TTXH; địa chỉ: thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. (nay là thôn P, xã M, tỉnh Tuyên Quang). Có mặt.

- Anh Vũ Mí N, sinh ngày: 12/6/2000; CCCD số: 002xxxxxxxxx, cấp ngày: 02/6/2025, nơi cấp: Bộ C10. Địa chỉ: thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. (nay là thôn P, xã M, tỉnh Tuyên Quang). Có mặt.

4. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn:

- Bà Vũ Thị X; sinh năm 1980; số CCCD: 002xxxxxxxxx, cấp ngày 23/03/2021, nơi cấp: Cục C9 về TTXH; địa chỉ: thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. (nay là thôn P, xã M, tỉnh Tuyên Quang). Có mặt.

- Bà Vũ Thị C2; sinh năm 1972; địa chỉ: thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. (nay là thôn P, xã M, tỉnh Tuyên Quang). Có mặt.

- Bà Vàng Thị M1, sinh năm 1941, số CCCD: 002xxxxxxxxx, cấp ngày 11/8/2011, nơi cấp: Cục C9 về TTXH; địa chỉ: địa chỉ: thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. (nay là thôn P, xã M, tỉnh Tuyên Quang). Vắng mặt.

5. Những người làm chứng:

- Vũ Mí T, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. (nay là thôn P, xã M, tỉnh Tuyên Quang), Có mặt.

- Vũ Thị S, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. (nay là thôn S, xã M, tỉnh Tuyên Quang). Vắng mặt không có lý do.

6. Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Mua Mí C3, sinh năm 1971 địa chỉ: thôn P, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông Vũ Mí K trình bày:

Gia đình ông có thửa đất có diện tích khoảng 200m², nguồn gốc thửa đất là do ông nội là Vũ Pà Tủa khai hoang sử dụng, đến khi ông T1 chết để lại cho bố của ông là Vũ Sìa C4 thừa hưởng tuy nhiên lúc này bố của ông còn nhỏ (09 tuổi) nên ông nội đã giao lại cho ông Vũ Chứ P2 (em trai ruột của ông nội) tạm thời canh tác, đến khi bố của ông là Vũ Sìa C4 18 tuổi thì ông P2 giao lại đất cho bố của ông tiếp tục quản lý và sử dụng đến năm 1998 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, thuộc thửa số 153 tờ bản đồ số 13, loại đất màu, có tổng diện tích 1400m². Năm 1983 khi gia đình ông Vừ Chúa C5 (*bố của anh Vừ Mí C*) chuyển từ trong chân núi ra thì bố của ông đã cho gia đình ông Vừ Chúa C6 mượn đất để làm nhà ở nhờ vài năm. Tuy nhiên, năm 1996 có cán bộ đến đo đạc đất đai thì gia đình ông Vừ Chúa C6 đã được cấp một phần diện tích trên mảnh đất của bố ông diện tích là 100m². Sau này bố của ông là Vừ Sía C4 đã nhiều lần đến nhà ông V1 Chúa Cha để đòi lại đất, đến năm 2008 ông cũng nhiều lần đến nhà ông Vừ Mí C để đòi lại đất nhưng gia đình ông C không nhất trí, đến năm 2023 ông đã viết đơn lên Ủy ban nhân dân (UBND) xã P (nay thuộc xã M) để giải quyết, xã đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành, sau đó ông viết đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang (*nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang*) đề nghị ông Vừ Mí C trả lại cho ông toàn bộ diện tích đất tranh chấp. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và tiến hành hòa giải ông rút một phần yêu cầu khởi kiện, ông chỉ yêu cầu ông Vừ Mí C trả lại diện tích 81,2m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 153 tờ bản đồ số 13 mang tên ông Vừ Sía C7.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Vừ Mí C trình bày:

Thửa đất tranh chấp nằm cạnh ngôi nhà hiện tại ông và mẹ là bà Sùng Thị V đang sinh sống, thuộc thôn P, xã P, huyện M (nay là thôn P, xã M). ông không biết diện tích thửa đất tranh chấp là bao nhiêu. Thửa đất này đầu tiên là do cụ Vừ D Vur khai hoang canh tác khi cụ V2 chết đã để lại cho ông nội của ông là Vừ Chá P3 tiếp tục quản lý sử dụng, khi ông V1 Chá Pó chết thì để lại thửa đất cho bố của ông là Vừ Chúa C5 tiếp tục quản lý sử dụng đến ông là đời thứ tư canh tác và sử dụng. Ông cụ Vừ D Vur sinh năm 1928, chết năm 1989. Hiện nay trên đất chỉ có cây chuối và khoai lang. Trước đây trên thửa đất tranh chấp là ngôi nhà của bố mẹ ông xây dựng, đến năm 1992, bố mẹ ông đã bán ngôi nhà để chữa bệnh hiện tại nền nhà vẫn còn. Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất từ năm 1998 mang tên ông Vừ Chúa C5. Lúc đó có bố mẹ ông và 05 anh em, ngoài ra còn có ông nội, bà nội. Năm 2019 ông V1 Chúa Cha chết, năm 2024 anh Vừ Mí C8 chết, hiện nay chỉ còn anh cả Vừ Mí Chứ, tôi, em trai Vừ Mí P và em gái Vừ Thị L. Hiện tại chỉ còn em gái của ông V1 Chúa Cha là bà Vừ Thị X là biết rõ nguồn gốc thửa đất. Hiện tại tôi chưa kết hôn, đang sống cùng mẹ. Thửa đất tranh chấp tiếp giáp với đất của ông Vừ C8 Cho và ông Vừ Mí K. Hiện nay của ông và các anh em trong gia đình vẫn cùng nhau canh tác, sử dụng. Nay ông K yêu cầu ông trả lại diện tích 81,2m² ông không đồng ý vì đất là do ông cha để lại và đã sử dụng từ trước đến nay.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn bà Vàng Thị M1, Vừ Thị C2, Vừ Thị X trình bày:

Bà Vàng Thị M1 là mẹ của ông Vừ Mí K, về nguồn gốc đất tranh chấp bà được ông Vừ Chứ P2 (em trai của ông nội Vừ Mí K) kể lại là của bố chồng bà là ông Vừ Pà T1, sau khi ông T1 chết thì để lại phần đất cho chồng là ông Vừ Sía C4. Trước đây ông Vừ D Vur mượn đất của ông Vừ Pà T1 để làm nhà sinh sống. Phần đất tranh chấp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện tại bà đã tuổi

cao sức yếu, bị nặng tai nên bà ủy quyền toàn bộ cho ông Vừ Mí K quyết định, bà không đến Tòa án để tham gia tố tụng nữa.

Đối với bà Vừ Thị C2, Vừ Thị X đồng ý với ý kiến của ông Vừ Mí K yêu cầu ông Vừ Mí C trả lại cho ông Kỷ phần đất đang tranh chấp, đối với diện tích đất đang tranh chấp hai bà đều nhất trí để lại cho ông Vừ Mí K vì các bà đã xây dựng gia đình và ra ở riêng.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn gồm Sùng Thị V, Vừ Thị L, Vừ Mí P, V Chứ, Vừ Mí P1, Vừ Mí N, Giàng Thị M: Nhất trí với ý kiến của ông Vừ Mí C không nhất trí việc đòi lại đất của ông Vừ Mí K.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/02/2025 xác định tổng diện tích đất tranh chấp là 279,0m², loại đất trồng cây hàng năm khác, vị trí tiếp giáp: phía Đông giáp với đất gia đình ông Vừ Mí K, phía Tây giáp đường mòn, phía Nam giáp đất ông Vừ Mí K, phía Bắc giáp đường mòn đi qua nhà ông Vừ Chúa C5. Trong đó: có 81,2m² thuộc một phần thửa đất số 153 đã được cấp trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vừ Sía C7 (theo các điểm từ 3, 4, 5, 6, 7, 15, 14 kéo về 3) và có 110,6m² thuộc một phần thửa đất số 152 được cấp trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vừ Chúa C5 (theo các điểm từ 13, 14, 15, 9, 11 kéo về 13); có 87,2m² (78,0 + 9,2m²) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Trong quá trình thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, HĐXX chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 203; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 164, Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015; Các Điều 26, Điều 31, Điều 236 Luật Đất đai năm 2024; Điều 26; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Vừ Mí K buộc ông Vừ Mí C trả lại phần diện tích đất tranh chấp khoảng 200m².

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vừ Mí K buộc ông Vừ Mí C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sùng Thị V, Vừ Thị L, Vừ Mí P, V Chứ, Vừ Mí P1, Vừ Mí N, Giàng Thị M trả lại ông Vừ Mí K diện tích 81,2m² đất thuộc một phần thửa đất số 153, tờ bản đồ số 13, đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Vừ Sía C7 được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

333/QSDĐ/115/QĐ-UB ngày 24/6/1998 cho hộ ông V1 Sía Cơ được xác định từ điểm 3,4,5,6,7,15,14, 3 (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

3. Án phí: Ông Vũ Mí C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Vũ Mí K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp theo Biên lai thu số 0003822 ngày 21/10/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang (*Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Tuyên Quang*).

4. Chi phí tố tụng: Xác nhận nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 1.800.000 đồng chi phí tố tụng. Tại phiên tòa nguyên đơn không đề nghị bị đơn phải thanh toán khoản tiền này. Đề nghị HĐXX ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất do ông Vũ Mí K khởi kiện ông Vũ Mí C, thửa đất tranh chấp có địa chỉ tại thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang theo quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Sùng Thị V, sinh năm 1949 có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Vàng Thị M1, sinh năm 1941 xin không tham gia tố tụng và người làm chứng Vũ Thị S, sinh năm 1947 vắng mặt không có lý do, không ai có ý kiến gì về việc vắng mặt của những người này nên căn cứ Điều 227, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có nội dung, hình thức phù hợp với các trường hợp áp dụng các quy định tại Bộ luật Dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan để giải quyết.

[4] Về giải quyết yêu cầu của đương sự:

[4.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Vũ Mí K buộc ông Vũ Mí C trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp khoảng 200m², quá trình giải quyết ông Vũ K rút một phần đơn khởi kiện, yêu cầu ông Vũ Mí C phải trả lại diện tích 81,2m² thuộc một phần thửa đất số 153, tờ bản đồ số 13 có địa chỉ tại thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là xã M, tỉnh Tuyên Quang), nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu buộc ông Vũ Mí C phải trả lại diện tích khoảng 200m².

[4.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Vũ Mí K buộc ông Vũ Mí C trả lại diện tích đất là 81,2m² thuộc một phần thửa đất số 153, tờ bản đồ số 13 có địa chỉ tại thôn P, xã M, tỉnh Tuyên Quang có nguồn gốc do Nhà nước giao cho hộ ông Vũ Sía C7 (bố của ông K) từ năm 1998. Sau khi ông Vũ Sía C4 chết mẹ của ông là bà Vàng Thị M1 và các con là Vũ Thị X, Vũ Thị C2, Vũ Mí K là người thừa kế đối

với diện tích đất trên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 166 và khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Dân sự 2015 thì người có quyền sử dụng đất hợp pháp có quyền đòi lại tài sản và quyền sử dụng đất từ người chiếm hữu, sử dụng không có căn cứ pháp luật. Việc ông Vừ Mí K đòi lại quyền sử dụng đất là có sở, cần được chấp nhận.

[4.3] Đối với ý kiến của ông Vừ Mí C và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn gồm: Sùng Thị V, Vừ Thị L, Vừ Mí P, V Chứ, Vừ Mí P1, Vừ Mí N, Giàng Thị M không nhất trí trả lại phần đất tranh chấp có diện tích 81,2m² cho ông Vừ Mí K vì cho rằng toàn bộ diện tích đất gia đình ông đang sử dụng là do ông cha để lại. HĐXX xét thấy, ông và gia đình không cung cấp được chứng cứ, tài liệu nào chứng minh quá trình sử dụng hợp pháp, không có giấy tờ thể hiện quyền sử dụng đất, giấy tờ mua bán, tặng, cho, chuyển nhượng hay thừa kế hợp pháp. Theo các tài liệu do Văn phòng đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Hà Giang (*nay là Văn Chi nhánh Văn phòng Đ*) cung cấp gồm Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông V1 Chúa Cha tại tờ bản đồ số 13 với các thửa đất gồm thửa số 152 diện tích 100m², thửa số 160 diện tích 1200m², thửa số 161 diện tích 1450m², thửa số 107 diện tích 600m², thửa số 57 diện tích 1800m², thửa số 19 diện tích 7200m² đối chiếu với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông V1 Chúa Cha và Trích lục khu đất tranh chấp thể hiện diện tích 81,2m² tại các điểm 3, 4, 5, 6, 7, 15, 14 kéo về 3 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông V1 Sĩa Cơ tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 13 có tổng diện tích 1400m². Do đó việc ông C và gia đình chiếm giữ phần đất tranh chấp là không có căn cứ.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 1.800.000 đồng. Tại phiên tòa ông K không yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền trên nên bị đơn không phải hoàn trả lại.

[6] Về án phí: Ông Vừ Mí C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, căn cứ vào các Điều 147 của BLTTDS 2015; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí cho ông Vừ Mí K đã nộp theo biên lai số 0003822 ngày 21/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang (*nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Tuyên Quang*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 203; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015; Các Điều 26, Điều 31, Điều 236 Luật đất đai năm 2024; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Vừ Mí K buộc ông Vừ Mí C trả lại phần diện tích đất tranh chấp khoảng 200m².

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vừ Mí K buộc ông Vừ Mí C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sùng Thị V, Vừ Thị L, Vừ Mí P, V Chứ, Vừ Mí P1, Vừ Mí N, Giàng Thị M trả lại diện tích 81,2m² đất thuộc một phần thửa đất số 153, tờ bản đồ số 13, đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Vừ Sía C7 được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 333/QSDĐ/115/QĐ-UB ngày 24/6/1998 cho hộ ông V1 Sía Cơ được xác định từ điểm 3,4,5,6,7,15,14, 3 (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

3. Án phí: Buộc ông Vừ Mí C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng. Trả lại ông cho Vừ Mí K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp theo biên lai thu số 0003822 ngày 21/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang (*Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Tuyên Quang*).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 15/9/2025*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- THADS tỉnh;
- VKSND khu vực 8;
- Phòng THADS khu vực 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ VA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

